

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BẮC NINH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 08/2022/HNGĐ-PT
Ngày 29 tháng 12 năm 2022
V/v “*Tranh chấp hôn nhân và gia
đình*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẮC NINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Văn Giáp;

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Văn Nam;
Bà Nguyễn Tuyết Mai.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thùy Dương, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Ninh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Trang - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 12 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Ninh xét xử phúc thẩm C khai vụ án thụ lý số: 13/2022/TLPT-HNGĐ ngày 25/10/2022 về “*Tranh chấp hôn nhân và gia đình*”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 37/2022/HNGĐ-ST ngày 24 tháng 8 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Bắc Ninh bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 14/2022/QĐPT-HNGĐ ngày 05 tháng 12 năm 2022 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Vũ Thị T, sinh năm 1975 (có mặt);

Địa chỉ: Thôn T, xã G, huyện T, tỉnh Bắc Ninh;

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn Hải - Trợ giúp viên pháp lý - Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Bắc Ninh (có mặt).

- *Bị đơn:* Ông Phạm Đình C, sinh năm 1972 (có mặt);

Địa chỉ: Thôn T, xã G, huyện T, tỉnh Bắc Ninh;

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ông Phạm Thành B, sinh năm 1962 (có mặt);

2. Ông Phạm Đình H, sinh năm 1966 (có mặt);

3. Ông Phạm Đình N, sinh năm 1969 (vắng mặt);

4. Ông Nguyễn Đức V, sinh năm 1956 (có mặt);
Cùng địa chỉ: Thôn T, xã G, huyện T, tỉnh Bắc Ninh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo bản án sơ thẩm và các tài liệu có trong hồ sơ thì vụ án có nội dung như sau:

Nguyên đơn là bà Vũ Thị T trình bày: Bà Kết hôn với ông Phạm Đình C vào ngày 30/11/1994 trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn được thực hiện tại UBND xã G, huyện T. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống tại gia đình anh C. Vợ chồng mâu thuẫn từ năm 2010, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống và làm ăn, đã nhiều lần bà phải về nhà đẻ, lần cuối vào năm 2015. Nay, bà xác định không còn tình cảm với ông C nên bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn ông C.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Phạm Thùy D, sinh năm 1995 và Phạm Trung T, sinh năm 2001. Các con chung đều đã trưởng thành, khỏe mạnh, nên bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung của vợ chồng: Bà T yêu cầu chia tài sản chung của vợ chồng gồm:

1. Diện tích đất hiện do ông C đang quản lý, sử dụng theo kết quả đo đạc ngày 23/12/2021 gồm: Diện tích đất thổ cư vợ chồng mua của ông Phạm Đình N năm 2000, vì là anh em nên không có giấy tờ về việc mua bán hay giao nhận tiền; diện tích đất ao của bố mẹ chồng cho vợ chồng theo giấy giao đất do bố chồng viết năm 2000; Diện tích đất thổ cư và đất ao này chính quyền đã cấp giấy chứng nhận QSDĐ cho hộ ông Phạm Đình C ngày 28/12/2000. Phần này bà yêu cầu chia bằng hiện vật vì bà hiện không có đất ở;

2. Ngôi nhà 02 tầng chưa hoàn thiện, vợ chồng xây dựng năm 2009;

3. Diện tích đất thổ cư vợ chồng được bố mẹ chồng cho theo giấy giao đất năm 2000 của bố mẹ chồng, năm 2012 ông C đã tự ý bán cho ông Nguyễn Đức V không hỏi ý kiến bà. Phần này bà yêu cầu chia bằng tiền vì đã bán rồi.

Bà T đề nghị giải quyết đồng thời việc ly hôn và chia tài sản của vợ chồng trong cùng một vụ án.

Vợ chồng không vay, mượn ai và không cho ai vay, mượn tài sản.

Bị đơn là ông Phạm Đình C xác nhận phần kết hôn và con chung như bà T khai và trình bày: Sau khi kết hôn, năm 2002 bà T đi xuất khẩu lao động đến năm 2005 bà T về nước. Năm 2008, bà T phát bệnh tâm thần phân liệt, gia đình đã đưa đi viện điều trị, sau đó điều trị ngoại trú tại nhà và được hưởng trợ cấp khuyết tật của UBND huyện T. Ngày 12/4/2021, ông có làm đơn đề nghị Giám định tâm

thần đối với bà Vũ Thị T, nhưng sau đó ông thấy việc giám định là không cần thiết, nên ông đã rút đơn yêu cầu. Vợ chồng đã sống ly thân nhiều năm nay, nhưng nguyên nhân chính là do bà T mắc bệnh tâm thần. Ông không đồng ý ly hôn bà T, bởi ông nhận thấy sức khỏe tâm thần của bà T có thể ổn định hơn nhưng không thể như người bình thường, ông đề nghị Tòa án giải quyết để vợ chồng đoàn tụ, xây dựng gia đình cho các con. Trước mắt, nếu bà T không muốn sống chung với ông thì bà T có thể sống với con trai, gia đình có nhiều phòng cho thuê nên bà T có lựa chọn ở riêng để gia đình quan tâm, chăm sóc nhau. Ông sẽ giao cho bà T quản lý thêm một phòng cho thuê để lấy tiền chủ động trong sinh hoạt.

Về con chung: Ông không có yêu cầu gì.

Về tài sản chung: Ông không đồng ý ly hôn nên không đồng ý chia tài sản.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông B, ông H, ông N trình bày: Diện tích đất do ông C đang quản lý, sử dụng là di sản do bố mẹ để lại, chưa phân chia, không phải là tài sản của vợ chồng ông C. Ông N trình bày không có việc bán đất cho vợ chồng ông C như bà T đã trình bày.

Ông Nguyễn Đức V trình bày: Khoảng năm 2012, ông có mua của các con ông Phạm Hồng T gồm: Phạm Thành B, Phạm Đình H, Phạm Đình N và Phạm Đình C diện tích đất hơn 60m² tại thôn T, xã G, huyện T, tỉnh Bắc Ninh. Khi mua, đất đã được cấp giấy chứng nhận cho ông Phạm Hồng T, hai bên thỏa thuận và viết giấy mua bán, ông đã trả đủ tiền và đã nhận đất. Khi mua là đất trống, tài sản trên đất hiện nay là do ông xây dựng.

Theo cung cấp của Phòng Lao động thương binh xã hội huyện T: Bà Vũ Thị T, sinh ngày 20/7/1975 ở T, G, T, Bắc Ninh là đối tượng người khuyết tật nặng đang được hưởng trợ cấp bảo trợ xã hội hằng tháng tại cộng đồng trên địa bàn huyện. Thời gian hưởng từ tháng 9/2014 đến nay.

Với nội dung trên, bản án số: 37/2022/HNGĐ-ST ngày 24/8/2022 của Tòa án nhân dân huyện T đã căn cứ vào các điều 28, 35, 39, 147, 227, 228, 235, 264, 266 và các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; các điều 51, 53, 56 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án, tuyên

Xử:

Bác yêu cầu khởi kiện của bà Vũ Thị T về việc xin ly hôn ông Phạm Đình C.

Không giải quyết yêu cầu chia tài sản của vợ chồng trong vụ án.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí, chi phí tố tụng và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 06 tháng 9 năm 2022, bà Vũ Thị T kháng cáo bản án sơ thẩm. Bà đề nghị cấp phúc thẩm xử cho bà được ly hôn ông C và chia tài sản theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và yêu cầu kháng cáo, các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Ninh phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng với quy định của pháp luật. Các đương sự đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình.

Về đường lối giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng khoản 1 Điều 308, không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Vũ Thị T; giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm số: 37/2022/HNGĐ-ST ngày 24 tháng 8 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Bắc Ninh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét, kết quả tranh tụng tại phiên tòa:

[1] Về thủ tục tố tụng: Đơn kháng cáo của bà Vũ Thị T trong thời hạn luật định nên được Tòa án xem xét.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Bà Vũ Thị T kết hôn với ông Phạm Đình C vào năm 1994 trên cơ sở tự nguyện, không bị ép buộc. Đăng ký kết hôn được thực tại UBND xã G, huyện T, tỉnh Bắc Ninh theo quy định của pháp luật. Như vậy, quan hệ hôn nhân giữa bà T với ông C là hợp pháp.

[3] Xét kháng cáo của bà Vũ Thị T yêu cầu cấp phúc thẩm xử cho bà được ly hôn ông Đài và yêu cầu chia tài sản chung của vợ chồng:

3.1. Quá trình giải quyết vụ án, bà T cho rằng mâu thuẫn vợ chồng phát sinh từ năm 2006, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, làm ăn và ông C có biểu hiện quan hệ ngoại tình nhưng bà không có căn cứ. Do mâu thuẫn, đã nhiều lần bà phải về nhà đẻ, lần cuối vào năm 2015, hiện nay bố mẹ bà đã chết, bà đang thuê trọ tại thôn T, xã G. Nay, bà xác định tình cảm vợ chồng không còn nên bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn ông C. Tại cấp phúc thẩm, bà T không cung cấp được tài liệu, chứng cứ gì mới để chứng minh vợ chồng mâu thuẫn đã trầm trọng. Phía ông C cũng xác định vợ chồng đã mâu thuẫn nhiều năm, nhưng nguyên nhân chính là do bà T có bệnh tâm thần nên ông không đồng ý ly hôn, vì ông cho rằng sức khỏe tâm thần của bà T có thể ổn định hơn, ông đề

ngợi Tòa án hòa giải để vợ chồng đoàn tụ, xây dựng gia đình cho các con. Ông C đưa ra giải pháp, nếu bà T không muốn chung sống cùng với ông thì bà T có thể sống chung với con trai hoặc ở riêng một phòng để gia đình quan tâm chăm sóc; ông giao thêm cho bà một phòng để cho thuê lấy tiền chủ động trong sinh hoạt.

Các con chung của bà T và ông C cũng đều mong muốn bố mẹ mình sống hòa thuận. Chính quyền địa phương cũng có ý kiến đề nghị Tòa án hòa giải để vợ chồng bà T ông C về đoàn tụ.

Căn cứ vào thực trạng đời sống chung của vợ chồng, lời trình bày của các đương sự và các chứng cứ, tài liệu đã được thu thập trong hồ sơ vụ án, quy định của pháp luật, cấp sơ thẩm đã nhận định: Bà T là người khuyết tật đang hưởng trợ cấp bảo trợ xã hội, không có căn cứ chứng minh ông C có hành vi bạo lực gia đình hoặc vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng; ông C đã đưa ra phương án giải quyết đảm bảo cuộc sống của bà T. Trên cơ sở đó, đã tuyên Xử: Bác yêu cầu khởi kiện của bà Vũ Thị T về việc xin ly hôn ông Phạm Đình C là có căn cứ, đạt lý, thấu tình.

3.2. Bà Vũ Thị T kháng cáo yêu cầu cấp phúc thẩm giải quyết về tài sản. Tuy nhiên, tại cấp sơ thẩm, bà T yêu cầu Tòa án giải quyết đồng thời việc ly hôn và chia tài sản của vợ chồng trong cùng một vụ án; ông Phạm Đình C không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản, nên cấp sơ thẩm không giải quyết chia tài sản của vợ chồng trong vụ án này là đúng quy định của pháp luật. Do cấp sơ thẩm không giải quyết vụ án về tài sản, nên cấp phúc thẩm không xem xét.

Từ những phân tích nhận định trên cho thấy, kháng cáo của bà Vũ Thị T không có căn cứ để chấp nhận, bản án sơ thẩm cần được giữ nguyên.

[4] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do kháng cáo của bà T không được chấp nhận nên bà T phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định. Tuy nhiên, bà T là người khuyết tật, thuộc trường hợp được miễn án phí. Do vậy, cần miễn toàn bộ án phí dân sự phúc thẩm cho bà T.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 308; Điều 313; Điều 148 Bộ Luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án, quyết định:

1. Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Vũ Thị T. Giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm số: 37/2022/HNGĐ-ST ngày 24 tháng 8 năm 2022

2. Về án phí dân sự phúc thẩm: Miễn toàn bộ án dân sự phí phúc thẩm cho bà Vũ Thị T.

3. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bắc Ninh;
- TAND huyện T;
- Chi cục THADS huyện T;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Vũ Văn Giáp

**THÀNH VIÊN
HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**

**THẨM PHÁN
CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Nam - Nguyễn Tuyết Mai

Vũ Văn Giáp